



běi hǎi

北海

n. · Beihai Park (a park in Beijing)

Example Sentences

wǒ men zhōu mò qù běi hǎi huá chuán ba
我们周末去北海划船吧。

Let's go boating at Beihai Park this weekend.

běi hǎi de bái tǎ fēi cháng yǒu míng
北海的白塔非常有名。

The white pagoda in Beihai Park is very famous.

tā měi tiān zǎo chén dōu zài běi hǎi sàn bù
她每天早晨都在北海散步。

She takes a walk in Beihai Park every morning.

Trace each character, then write the word on your own.

北 北 北 北 北 北 北 北

海 海 海 海 海 海 海 海 海 海 海
海 海